

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2026

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Cường, ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 442/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc A, sinh năm 1997; CCCD: 080197000269; cư trú tại: Khu phố BN 2, phường GD, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Võ Tuấn K, sinh năm 1993; CCCD: 072093004941; cư trú tại: Khu phố BN 2, phường GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Ngọc A trình bày:

Chị và anh K kết hôn tự nguyện vào năm 2016, tại UBND xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Võ Lê Tuấn A, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2018. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Tuấn K trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về việc chung sống, kết hôn và con chung. Anh và chị A không có tiếng nói chung, do anh làm tăng ca thường xuyên, vợ chồng không chia sẻ chuyện gia đình, tình cảm ngày càng xa cách. Nay anh đồng ý ly hôn với chị A.

Anh và chị A có một người con chung tên Võ Lê Tuấn A, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2018, hiện nay đang sống cùng chị A, anh đồng ý để chị A nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc A đối với anh Võ Tuấn K. Về con chung: Giao cháu Võ Lê Tuấn A, sinh ngày 23/12/2018 cho chị Lê Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị A không yêu cầu anh K cấp dưỡng, nuôi con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Ngọc A, anh Võ Tuấn K trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Võ Tuấn K cư trú tại phường Gò Dầu,

tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc A, anh Võ Tuấn K kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét tình trạng hôn nhân của chị A, anh K thấy rằng: Anh chị tìm hiểu tự nguyện, chung sống và đăng ký kết hôn năm 2016. Quá trình chung sống, chị A, anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hoà giải và hàn gắn được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh K. Anh K đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị A. Nhận thấy hôn nhân của chị A và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị A, anh K có một con chung tên Võ Lê Tuấn A, sinh ngày 23/12/2018; hiện nay đang sinh sống cùng chị A, chị A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng; anh K đồng ý với yêu cầu của chị A.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lê Ngọc A, anh Võ Tuấn K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Lê Ngọc A, anh Võ Tuấn K khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc A đối với anh Võ Tuấn K. Chị A được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Lê Tuấn A, sinh ngày 23/12/2018 cho chị Lê Ngọc A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Ngọc A, anh Võ Tuấn K không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Ngọc A, anh Võ Tuấn K khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009295 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Tây Ninh. Ghi nhận chị A đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng Thi hành án khu vực 12;
- UBND phường Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Oanh